

**QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Bà Hồ Thị Tuyết

Thư ký phiên họp: Bà Hà Thị Thủy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Lai Châu tham gia phiên họp:
Bà Lâm Thảo Yến - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2025/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025, về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2025/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Giàng Thị D, sinh năm 1972. Địa chỉ: Bản H, xã M, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Sùng Thị V, sinh ngày 07/7/2000. Địa chỉ: Bản C, xã K, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Anh Lù A L, sinh ngày 01/02/1996. Địa chỉ: Bản C, xã K, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lai Châu. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Huy C – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu bà Giàng Thị D trình bày:

Bà Giàng Thị D có con gái là Sùng Thị V, sinh ngày 07/7/2000 và con rể là Lù A L sinh ngày 01/02/1996. Ngày 08/8/2016 chị Sùng Thị V và anh Lù A L, hiện đang cư trú tại bản C, xã K, tỉnh Lai Châu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu, nay là UBND xã K, tỉnh Lai Châu. Thời điểm đăng ký kết hôn, chị Sùng Thị V chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nên tự khai là Sùng Thị V sinh ngày 01/01/1997 để đủ tuổi làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tuy nhiên qua trình sinh sống anh Lù A L và chị Sùng Thị V phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến ly thân từ năm 2024 đến nay. Do cả hai bên không còn tình cảm với nhau, gia đình hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, việc đăng ký kết hôn của chị V và anh L là vi phạm quy định nên bà Giàng Thị D yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lai Châu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Sùng Thị V và anh Lù A L.

Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Sùng Thị V và anh L1 A L đều trình bày: Chị V và anh L đăng ký kết hôn vào ngày 08/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là UBND xã K, tỉnh Lai Châu) trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn, chị Sùng Thị V chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nên đã tự ý khai tăng tuổi của mình lên thành sinh ngày 01/01/1997 để đủ tuổi làm thủ tục đăng ký kết hôn. Do đó, Ủy ban nhân dân xã K đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị V và anh L. Trước đây, trong học bạ trung học cơ sở của chị Sùng Thị V, thể hiện chị Sùng Thị V sinh ngày 07/7/2000 hiện nay trong giấy khai sinh số 267, đăng ký ngày 16/9/2020 và căn cước công dân số 012300000421 do Bộ C1 cấp ngày 10/06/2025 đều mang tên Sùng Thị V, sinh ngày 07/7/2000. Trên giấy khai sinh của anh L số 226/2019 ngày 24/10/2019 và căn cước công dân của anh L1 A L thể hiện tên là Lù A L, sinh ngày 01/02/1996 tuy nhiên trong giấy chứng nhận kết hôn và trong giấy khai sinh các con chung thì anh L1 A L lại có tên là Lù A L2, thực tế anh L1 A L tên là Lù A sinh ngày 01/02/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chị V và anh L chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2024 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó cho đến nay. Chị V và anh L đồng ý yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật theo đơn yêu cầu của bà Giàng Thị D.

Về nuôi con: Chị V, anh L có 03 con chung là cháu Lù N Thủy sinh ngày 15/02/2014, cháu Lù Ngọc T, sinh ngày 22/3/2017, cháu Lù Hải Đ, sinh ngày 02/10/2021. Chị V và anh L tự nguyện thỏa thuận: Anh Lù A L là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Lù Ngọc T1, sinh ngày 15/02/2014, cháu Lù Ngọc T, sinh ngày 22/3/2017, cháu Lù Hải Đ, sinh ngày 02/10/2021 cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Sùng Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh L, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết việc dân sự đại diện Ủy ban nhân dân xã K trình bày: Khi anh Lù A L và chị Sùng Thị V đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K,

huyện T, tỉnh Lai Châu nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lai Châu, người có thẩm quyền có kiểm tra các thông tin nhưng do công dân không cung cấp đầy đủ giấy tờ nên dẫn đến sai sót trong việc cung cấp giấy chứng nhận kết hôn cho công dân. Do vậy UBND xã K nhất trí với đề nghị hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Sùng Thị V và anh Lù A L.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K, xác định: Trong giấy khai sinh, căn cước công dân số 012300000421 cấp ngày 10/6/2025, học bạ trung học cơ sở chị Sùng Thị V, sinh ngày 07/7/2000 và chị Sùng Thị V, sinh ngày 01/01/1997 trong giấy đăng ký kết hôn số 28 ngày 08/8/2016 tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu (Nay là xã K, tỉnh Lai Châu) là một người. Trong giấy chứng nhận kết hôn anh Lù A L2, sinh ngày 01/02/1996 và anh Lù A L sinh ngày 01/02/1996 trong căn cước công dân số 012096001023 cấp ngày 20/01/2022 là một người, có tên đúng là Lù A L sinh ngày 01/02/1996.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Lù Ngọc T1 và Lù Ngọc T thể hiện: Cháu T và cháu T1 là con chung của anh L1 A L và chị Sùng Thị V, các cháu không có tài sản riêng. Cháu T và cháu T1 có nguyện vọng được ở với anh Lù A L.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Lai Châu phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 246; khoản 2, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016: Đề nghị chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Giàng Thị D. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Sùng Thị V và anh Lù A L theo giấy chứng nhận kết hôn số 28, ngày 08/8/2016 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu và ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh L1 A L và chị Sùng Thị V về nuôi con chung. Đề nghị áp dụng Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bà Giàng Thị D không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Lai Châu tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lai Châu nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hủy kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu (Nay là xã K, tỉnh Lai Châu) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước khi mở phiên họp, người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Giàng Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Sùng Thị V, anh Lù A L, Ủy ban nhân dân xã K vắng mặt tại phiên họp, có đơn xin vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Chị Sùng Thị V và anh Lù A L đăng ký kết hôn ngày 08/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu (Nay là xã K, tỉnh Lai Châu) trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị Sùng Thị V, sinh ngày 07/7/2000 chưa đủ độ tuổi kết hôn theo quy định (chị Sùng Thị V mới được 16 tuổi 01 tháng 01 ngày). Như vậy việc đăng ký kết hôn của chị Sùng Thị V và anh L1 A L tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu đã vi phạm điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đến thời điểm hiện tại, anh L, chị V đã đủ tuổi kết hôn, quá trình chung sống anh L, chị V phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, đồng thời anh L, chị V đều thống nhất yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà Giàng Thị D về việc yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Sùng Thị V và anh Lù A L theo giấy chứng nhận kết hôn số 28, ngày 08/8/2016 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu.

[3] Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật.

Do việc kết hôn giữa anh Lù A L và chị Sùng Thị V vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 2015 và là kết hôn trái pháp luật nên kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, anh Lù A L và chị Sùng Thị V phải chấm dứt quan hệ hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh L, chị V có 03 con chung là cháu Lù Ngọc T1, sinh ngày 15/02/2014, cháu Lù Ngọc T, sinh ngày 22/3/2017, cháu Lù Hải Đ, sinh ngày 02/10/2021. Quá trình giải quyết việc dân sự cháu Lù Ngọc T1 và cháu Lù Ngọc T có nguyện vọng muốn được ở với anh Lù A L. Anh L và chị V thỏa thuận anh L1 A L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung là cháu Lù Ngọc T1, sinh ngày 15/02/2014, cháu Lù Ngọc T, sinh ngày 22/3/2017, cháu Lù Hải Đ, sinh ngày 02/10/2021 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Chị Sùng Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy thỏa thuận giữa anh L chị V về nuôi con chung là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không bị pháp luật cấm, do vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận giữa anh L, chị V về nuôi con chung.

Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh L, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 2 Điều 11, Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bà Giàng Thị D không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 246; khoản 2, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án; điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Giàng Thị D. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Sùng Thị V và anh Lù A L theo giấy chứng nhận kết hôn số 28, ngày 08/08/2016 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu.

2. Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

- Anh Lù A và chị Sùng Thị V phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Lù A L và chị Sùng Thị V: Anh Lù A L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lù Ngọc T1, sinh ngày 15/02/2014, cháu Lù Ngọc T, sinh ngày 22/3/2017, cháu Lù Hải Đ, sinh ngày 02/10/2021 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Chị Sùng Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Sùng Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh L, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Giàng Thị D không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo hoặc niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 – Lai Châu;
- UBND xã Khun Há;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hồ Thị Tuyết